

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 11 – 2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 453/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T1, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp H, xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay ấp T4, xã P1, huyện P2, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Phan Văn T2, sinh năm 1985; cư trú tại ấp H, xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Phan Văn T2 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 06/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T2 thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, chị và mẹ chồng nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T2 không thay đổi làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị mang đứa con nhỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T2 từ tháng 07/2020 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân,

nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh T2 có với nhau 02 người con chung tên Phan Tuấn K, sinh ngày 21/4/2016 hiện anh T2 đang nuôi dưỡng và Phan Hạnh N, sinh ngày 02/5/2020 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu N, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con. Trường hợp anh T2 cương quyết yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K thì chị đồng ý.

- Về tài sản chung: Đề chị và anh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung tài sản của vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 11 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Phan Văn T2 trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh thừa nhận có ăn nhậu với bạn bè nhưng không thường xuyên. Theo yêu cầu khởi kiện của chị T2, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì thương con nên anh muốn được đoàn tụ. Trường hợp chị T1 cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng, đồng ý giao cháu N cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Đề anh và chị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung tài sản của vợ chồng: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- **Về tố tụng:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- **Về nội dung:**

[1]. *Về hôn nhân:* Chị T1 và anh T2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân anh T2 thường xuyên ăn nhậu, không cải sửa làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra

cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Chị T1 và anh T2 có thời gian sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 và anh T2 xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh T2.

[2]. *Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:* Chị T1 và anh T2 có với nhau 02 người con chung tên Phan Tuấn K, sinh ngày 21/4/2016, Phan Hạnh N, sinh ngày 02/5/2020. Xét cháu K hiện do anh T2 nuôi dưỡng, cháu N do chị T1 nuôi dưỡng. Để ổn định môi trường sống, học tập, đảm bảo sự quan tâm chăm sóc, cũng như khả năng điều kiện nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con nhằm cho trẻ phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu K cho anh T2 được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét chị T1, anh T2 không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho cháu N, ghi nhận ý kiến của anh T2 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho cháu K, chị T1 và anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:* Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị T1 và anh Phan Văn T2.
2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Phan Hạnh N, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2020 cho chị Trương Thị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận ý kiến của chị Trương Thị T1 không yêu cầu anh Phan Văn T2 cấp dưỡng cho cháu Phan Hạnh N.

2.2. Giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2016 cho anh Phan Văn T2 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận ý kiến của anh Phan Văn T2 không yêu cầu chị Trương Thị T1 cấp dưỡng cho cháu Phan Tuấn K.

2.3. Chị Trương Thị T1, anh Phan Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trương Thị T1 nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số N0010528 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Trương Thị T1, anh Phan Văn T2. Báo cho chị Tho, anh Tú biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã T3: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân